

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2022 – 2023**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM.

1. CHƯƠNG I: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ LẬP TRÌNH VÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH.

Câu 1: Ngôn ngữ lập trình nào gần với ngôn ngữ tự nhiên?

- A.** Ngôn ngữ máy.
- B.** Ngôn ngữ bậc cao.
- C.** Hợp ngữ.
- D.** Hợp ngữ, ngôn ngữ bậc cao.

Câu 2: Ngôn ngữ lập trình nào không cần chương trình dịch?

- A.** Ngôn ngữ máy.
- B.** Ngôn ngữ bậc cao.
- C.** Hợp ngữ.
- D.** Hợp ngữ, ngôn ngữ bậc cao.

Câu 3: Hãy chọn phát biểu đúng trong các phát biểu dưới đây về ngôn ngữ lập trình và chương trình dịch?

- A.** Một ngôn ngữ lập trình bậc cao có thể có nhiều chương trình dịch khác nhau.
- B.** Chương trình dịch gồm các loại: hợp dịch, thông dịch, biên dịch.
- C.** Mỗi ngôn ngữ lập trình bậc cao đều có đúng một chương trình dịch.
- D.** Một ngôn ngữ lập trình bậc cao có thể được chương trình dịch dịch sang hợp ngữ.

Câu 4: Chương trình dịch là?

- A.** Chương trình có chức năng chuyển đổi chương trình được viết bằng ngôn ngữ lập trình bậc cao thành chương trình thực hiện được trên máy tính cụ thể.
- B.** Chương trình có chức năng chuyển đổi chương trình được viết bằng ngôn ngữ lập trình bậc thấp thành ngôn ngữ bậc cao.
- C.** Chương trình có chức năng chuyển đổi chương trình được viết bằng ngôn ngữ ngôn ngữ máy sang ngôn ngữ lập trình cụ thể.
- D.** Chương trình có chức năng chuyển đổi chương trình được viết bằng ngôn ngữ máy sang hợp ngữ.

Câu 5: Sự giống nhau giữa thông dịch và biên dịch là:

- A.** Không phải chương trình dịch.
- B.** Đầu là chương trình dịch.
- C.** Đầu dịch từ ngôn ngữ lập trình bậc thấp sang ngôn ngữ lập trình bậc cao.
- D.** Đầu dịch từ ngôn ngữ máy sang hợp ngữ.

Câu 6: Lập trình là:

- A.** mô tả dữ liệu và diễn đạt các thao tác của thuật toán.
- B.** sử dụng cấu trúc dữ liệu để mô tả dữ liệu.
- C.** sử dụng cấu trúc dữ liệu và các câu lệnh của ngôn ngữ lập trình cụ thể để mô tả dữ liệu và diễn đạt các thao tác của thuật toán.
- D.** sử dụng cấu trúc dữ liệu để diễn đạt các thao tác của thuật toán.

Câu 7: Chương trình nguồn là:

- A.** Chương trình viết bằng mã nhị phân.
- B.** Chương trình viết bằng ngôn ngữ máy.
- C.** Chương trình viết bằng ngôn ngữ lập trình bậc thấp.
- D.** Chương trình viết bằng ngôn ngữ lập trình bậc cao.

Câu 8: Chương trình đích là:

- A. Chương trình viết bằng hợp ngữ.
- B. Chương trình viết bằng ngôn ngữ máy.
- C. Chương trình viết bằng ngôn ngữ lập trình Python.
- D. Chương trình viết bằng ngôn ngữ lập trình bậc cao.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về phần khai báo trong Python:

- A. Nhất định phải có phần khai báo, không khai báo chương trình sẽ không chạy.
- B. Không cần có phần khai báo, ngôn ngữ Python tự hiểu.
- C. Chỉ khai báo khi dùng hàm toán học.
- D. Chỉ khai báo khi có sử dụng đến đối tượng được sử dụng trong chương trình.

Câu 10: Trong Python khi cần khai báo hằng ta khai báo ở đâu?

- A. Nhất định phải khai báo ở phần đầu chương trình.
- B. Nhất định phải khai báo ở cuối chương trình.
- C. Khai báo ở bất kì vị trí nào trong chương trình trước khi dùng đến.
- D. Không cần phải khai báo vì hằng là đại lượng có giá trị không đổi.

Câu 11: Để chú thích trong Python, chúng ta dùng ký hiệu nào sau đây:

- A. #(nội dung chú thích).
- B. ““(nội dung chú thích)””.
- C. ““(nội dung chú thích)””.
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 12: Chọn biểu diễn đặt tên biến **đúng** trong NNLT Python:

- A. baitap_@.
- B. _baitap1.
- C. 1_baitap.
- D. bai tap.

Câu 13: Hãy cho biết biểu diễn nào dưới đây **không phải** là biểu diễn hằng trong Python:

- A. 'bai1'.
- B. 23.
- C. False.
- D. 2ab.

Câu 14: Hãy cho biết biểu diễn nào dưới đây là biểu diễn hằng trong Python:

- A. bai1#.
- B. 23@.
- C. False.
- D. 2ab.

Câu 15: Cấu trúc chương trình trong ngôn ngữ lập trình Python gồm có mấy phần:

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây là **đúng** khi nói về biến trong Python:

- A. là đại lượng có giá trị và có thể được thay đổi liên tục trong quá trình thực hiện chương trình.
- B. là đại lượng bất kì.
- C. là đại lượng có giá trị không thay đổi trong quá trình thực hiện chương trình.
- D. Tất cả đáp án trên đều sai.

Câu 17: Ngôn ngữ lập trình Python có các thành phần cơ bản là?

- A. Bảng chữ cái, cú pháp.
- B. Bảng chữ cái, cú pháp và ngữ nghĩa.
- C. Bảng chữ cái và ngữ nghĩa.
- D. Cú pháp và ngữ nghĩa.

Câu 18: Trong Python khai báo hằng đúng là?

- A. PI:=3.14
- B. PI:3.14
- C. PI=3.14
- D. PI 3.14

2. CHƯƠNG II: CHƯƠNG TRÌNH ĐƠN GIẢN

Câu 19: Câu lệnh nào để đưa thông báo ra màn hình trong ngôn ngữ lập trình Python?

- A. Input.
- B. print.
- C. Print.
- D. Đáp án B và C đúng.

Câu 20: Khi viết s= “Đúng” thì biến s thuộc kiểu?

- A. Số nguyên.
- B. Số thực.
- C. Kí tự.
- D. Logic.

Câu 21: Cho đoạn chương trình sau: kt=False

print(kt)

Biến kt thuộc dữ liệu kiểu?

- A. Số nguyên.
- B. Số thực.
- C. Kí tự.
- D. Logic.

Câu 22: Chọn phát biểu **đúng** cho đoạn chương trình sau: `false=False`

`print(false)`

- A. Kiểu dữ liệu của false là kiểu Logic. B. Kiểu dữ liệu của false không tồn tại.
C. Chương trình báo lỗi. D. Kết quả trả về là **Đúng**.

Câu 23: Thư viện math trong Python cung cấp các chương trình có sẵn để làm việc với các hàm?

- A. Kí tự. B. Số học. C. Logic. D. Kí tự và Logic.

Câu 24: Khi lập trình sử dụng lệnh **sqrt** trong chương trình của Python, khai báo nào sau là **đúng**?

- A. `import math.` B. `inport math.`
C. Không cần khai báo thư viện. D. Không có đáp án nào đúng.

Câu 25: Trong Python, sau khi khai báo thư viện math, để tính $\sqrt{x+y}$ ta dùng lệnh?

- A. `sqrt(x+y).` B. `x.math.sqrt(y).`
C. `y.math.sqrt(x).` D. `math.sqrt(x+y).`

Câu 26: Khi khai báo `x=2+3` kết quả khi thực hiện lệnh `print(float(x))` trong Python là:

- A. 5.0. B. 5. C. 2+3. D. `float(x).`

Câu 27: Biểu thức $[(x+y)*z]-(x^2-y^2)$ chuyển sang Python là:

- A. `((x+y)*z)-(x2-y2).` B. `((x+y)*z)-(x2-y2).`
C. `(x+y)*z-x*y*y.` D. `((x+y)*z)-(x*x-y*y).`

Câu 28: Khi khai báo `x=2+3.5` kết quả khi thực hiện lệnh `print(x)` trong Python là:

- A. 5.5. B. 5. C. 2+3.5. D. Tất cả đáp án trên đều sai.

Câu 29: Nếu ta `print(y)` thì kết quả của chương trình sau là:

`x='3'`
`y=x*3`

- A. 9. B. 33. C. 333. D. 6.

Câu 30: Trong phép toán quan hệ trong Python, phép toán nào là **sai**?

- A. `=.` B. `>=.` C. `=<.` D. `>.`

Câu 31: Nếu ta `print(x)` kết quả của chương trình sau trong Python là:

`x=2`
`x=3.5`

- A. 2. B. 3.5. C. 2 và 3.5. D. Chương trình báo lỗi.

Câu 32: Kết quả của chương trình sau trong Python là:

`x,y,z=2,3,4.5`
`print(int(z))`

- A. 4. B. 4.0. C. 4.5. D. Kết quả khác.

Câu 33: Để khai báo biến x kiểu thực ta viết?

- A. `x=6.` B. `x==6.` C. `x=6.0.` D. `x==6.0.`

Câu 34: Phát biểu nào **sai** trong ngôn ngữ lập trình Python?

- A. Kiểu số thực có giới hạn 15 chữ số thập phân.
B. Kiểu số thực không giới hạn độ dài chỉ phụ thuộc vào bộ nhớ của máy tính.
C. Để ép kiểu số thực ta dùng lệnh **float**.
D. Kiểu dữ liệu **float** có tập số nằm trong $\mathbb{R}$.

Câu 35: Kết quả của chương trình sau trong Python là:

`print(25 // 3 + 4 / 2 * 3)`

- A. 14.4. B. 14.0. C. 2.0 D. 18.0.

Câu 36: Trong phép toán số học với số nguyên phép toán chia lấy phần nguyên trong Python là?

- A. `./.` B. `//.` C. `%.` D. `#.`

Câu 37: Kiểu dữ liệu của n trong Python là gì nếu n được nhập từ bàn phím là 5:

```
n = input("Nhập dữ liệu từ bàn phím số nguyên n= ")
```

- A.** int. **B.** float. **C.** string. **D.** bool.

Câu 38: Đáp án nào **sai** trong ngôn ngữ lập trình Python khi khai báo biến như sau:

```
x = 4
y = 2
z = x/y
```

- A.** x là biến kiểu số nguyên. **B.** y là biến kiểu số nguyên.
C. z là biến kiểu số nguyên. **D.** A và B đúng.

Câu 39: Kết quả của chương trình sau trong Python là:

```
p, q, r = 10, 20, 30
print(q, r, p)
```

- A.** 20 30 10. **B.** 10 20 30. **C.** 30 20 10. **D.** 10 30 20.

Câu 40: Nếu ta print("x*y") thì kết quả là gì khi khai báo x,y trong Python là: x, y = 5,6

- A.** 30. **B.** 5,6. **C.** x*y. **D.** 56.

Câu 41: Kết quả của chương trình sau trong Python là:

```
x = "2"
y = "2"
print(int(x+y))
```

- A.** 22. **B.** 4. **C.** 2+2. **D.** 2.

Câu 42: Kết quả của chương trình câu lệnh print(9//2) trong Python là:

- A.** 1. **B.** 4. **C.** 4.5. **D.** 4.0.

Câu 43: Kết quả của chương trình câu lệnh print(2>4 or 1<2) trong Python là:

- A.** True. **B.** False. **C.** None. **D.** 1<2.

Câu 44: Biểu thức nào sau kiểm tra "n là một số nguyên dương chẵn"?

- A.** (n>0) and (n % 2 ==0). **B.** (n>0) and (n // 2 ==0).
C. (n>0) and (n % 2 = 0). **D.** (n>0) or (n %2 == 0).

Câu 45: Kết quả của chương trình câu lệnh print(x % 2 == 0) trong Python với x=8 là:

- A.** True. **B.** False. **C.** 8. **D.** 4.

Câu 46: Nếu ta print(x) thì kết quả của chương trình sau trong Python là:

```
x = 2
x*= 3
```

- A.** 2. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 3.

Câu 47: Kết quả của chương trình câu lệnh print(z) trong Python nếu có x,y và z khai báo như sau:

```
x = y = 1
x = y + 1
z = (x+y)**x
```

- A.** 3. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 6.

Câu 48: Kiểu logic với giá trị đúng viết là:

- A.** TRUE. **B.** true. **C.** True. **D.** tTRUE.

Câu 49: Giá trị c nhận là bao nhiêu trong Python nếu chương trình như sau:

```
a,b = 2,3
c = a+b
print("a={0} x b={1} = {2}".format(a,b,c))
```

- A.** 3. **B.** 5. **C.** 2. **D.** 23.

Câu 50: Xét biểu thức logic : (m%100 < 10) and (m//100 > 0), với giá trị nào của m dưới đây biểu thức trên cho giá trị TRUE.

A. 66. B. 99. C. 2007. D. 2011.

Câu 51: Trong NNLT Python, để chạy chương trình ta dùng tổ hợp phím:

A. ALT + F5. B. Shift + F5. C. F5. D. Ctrl + Alt + F9.

Câu 52: Các câu lệnh nào sau đây trong Python là không hợp lệ:

A. x,y,z=1. B. x,y,z=1,2,3.
C. x = y = z =1. D. x=1,2,3.

3. CHƯƠNG III: CẤU TRÚC RỄ NHÁNH VÀ LẶP

Câu 53: Cấu trúc của rẽ nhánh dạng thiếu trong ngôn ngữ lập trình Python là:

A. if<điều kiện>:
 <câu lệnh>.
C. if<điều kiện> then:
 <câu lệnh>.
B. if<điều kiện>
 <câu lệnh>
D. if<điều kiện>:
 <câu lệnh>

Câu 54: Trong cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu câu lệnh <câu lệnh> được thực hiện khi:

A. Điều kiện sai. B. Điều kiện đúng.
C. Điều kiện bằng 0. D. Điều kiện khác 0.

Câu 55: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sử dụng câu lệnh rẽ nhánh dạng thiếu?

A. a là số chẵn.
B. a là số chẵn khi a chia hết cho 2.
C. Điều kiện cần để a là số chẵn là a chia hết cho 2.
D. Nếu a chia hết cho 2 thì a là số chẵn.

Câu 56: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sử dụng câu lệnh rẽ nhánh dạng đủ trong Python?

A. Số a chia hết cho 2 thì a là số chẵn.
B. a là số chẵn khi a chia hết cho 2.
C. Điều kiện cần để a là số chẵn là a chia hết cho 2.
D. Nếu a chia hết cho 2 thì a là số chẵn, ngược lại a là số lẻ.

Câu 57: Cho đoạn chương trình sau, sau khi thực hiện chương trình thì giá trị của b là:

```
a,b=2,3  
if a>b: a=a*2  
else: b=b*2
```

A. 2. B. 6. C. 4. D. 9.

Câu 58: Hãy chọn kết quả đúng của đoạn chương trình sau:

```
a=5; b=6  
if a!=b:  
    a=a-b  
    print(a,b)  
else: print(a,b)
```

A. 5 6. B. 6 -1 . C. -1 6. D. 6 5.

Câu 59: Hãy chọn kết quả đúng của đoạn chương trình sau:

```
a=5; b=6; s=3  
if a>b: s=2  
else: s=1  
print(s)
```

A. 1. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 60: Hãy chọn kết quả đúng của đoạn chương trình sau:

```
x,y,d=10,3,0  
if x%y!=0: d=x//y  
print(d)
```

A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.